

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP1004. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN1005. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.6. Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: 22/12/20237. Đơn vị tính/ *Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.***Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	6.08%
2	HPG	1,600	5.56%
3	VPB	2,300	5.35%
4	ACB	1,700	5.05%
5	TCB	1,100	4.31%
6	VNM	400	3.47%
7	VIC	600	3.31%
8	MWG	600	3.27%
9	MBB	1,400	3.25%
10	VCB	300	3.10%
11	VHM	600	3.08%
12	STB	900	3.06%
13	MSN	300	2.44%
14	HDB	1,000	2.40%
15	LPB	1,100	2.16%
16	SSI	500	2.06%
17	SSB	700	2.02%
18	SHB	1,400	1.91%
19	EIB	800	1.87%
20	VIB	700	1.68%
21	TPB	700	1.51%



22	CTG	400	1.36%
23	VJC	100	1.35%
24	FRT	100	1.30%
25	MSB	800	1.29%
26	KBC	300	1.19%
27	VRE	400	1.17%
28	DGC	100	1.16%
29	KDH	300	1.15%
30	VND	400	1.11%
31	PNJ	100	1.07%
32	VCI	200	1.06%
33	OCB	600	1.02%
34	GAS	100	0.95%
35	VHC	100	0.94%
36	GMD	100	0.87%
37	GEX	300	0.87%
38	HSG	300	0.83%
39	KDC	100	0.81%
40	SAB	100	0.79%
41	DXG	300	0.74%
42	REE	100	0.72%
43	VPI	100	0.70%
44	PDR	200	0.67%
45	DIG	200	0.67%
46	DGW	100	0.66%
47	VIX	300	0.65%
48	BID	100	0.53%
49	HAG	300	0.51%
50	BVH	100	0.50%
51	NLG	100	0.47%
52	PLX	100	0.43%
53	DPM	100	0.42%
54	HCM	100	0.42%
55	DCM	100	0.40%
56	HDG	100	0.37%
57	PC1	100	0.36%
58	PVD	100	0.36%
59	SBT	200	0.34%
60	PVT	100	0.34%
61	DBC	100	0.34%
62	TCH	200	0.34%
63	NKG	100	0.31%
64	VCG	100	0.31%

02703
CỘNG HÒA
TÊN
ĐIỀU TH
N LÝ
CHỨNG
L.
TRU

65	POW	200	0.29%
66	GVR	100	0.25%
67	PAN	100	0.25%
68	BCG	200	0.22%
69	HHV	100	0.20%
II.	Tiền/Cash (VND)	19,832,556	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 782,370,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 802,202,556

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 19,832,556

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	23,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	95,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	68,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	42,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	83,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	56,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	30,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	21,750	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

78 -
FY
I
+ VIỆ
ĐẦU
HOÁN
- TP

Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

